

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN: KINH TẾ QUỐC TẾ
ĐHCQ K11_ HỌC KỲ I_ NĂM HỌC 2025 - 2026**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
1	1001010878 Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	000001	139	5.00	01
2	1101010760 Nguyễn Ngọc	An	05/11/2005	TC11A	000002	268	7.60	01
3	1101010762 Nông Quốc	An	14/02/2005	TC11A	000003	380	8.00	01
4	1101010765 Lương Ngọc	Anh	28/05/2005	TC11A	000004	472	8.00	01
5	1101010774 Phạm Hoàng Phương	Anh	28/11/2004	TC11A	000005	596	7.80	01
6	1101010778 Dương Ngọc	Ánh	02/09/2005	TC11A	000006	604	5.80	01
7	1101011263 Nguyễn Việt	Cường	13/09/2005	TC11A	000007	721	5.80	01
8	1101011391 Trần Hải	Đăng	13/03/2005	TC11A	000008	843	5.40	01
9	1101010788 Nguyễn Tiến	Đạt	29/05/2005	TC11A	000009	139	5.60	01
10	1101011265 Nguyễn Thị Huyền	Diệu	08/05/2005	TC11A	000010	268	7.40	01
11	1101011733 Khương Minh	Đức	11/09/2004	TC11A	000011	380	8.00	01
12	1101010795 Nguyễn Việt	Dũng	16/01/2005	TC11A	000012	596	6.80	01
13	1101010520 Trần Minh	Dũng	26/07/2005	TC11A	000013	472	5.40	01
14	1101010798 Nguyễn Thảo	Dương	01/01/2005	TC11A	000014	604	6.20	01
15	1101010799 Phạm Bình	Dương	03/07/2005	TC11A	000015	721	7.40	01
16	1101010800 Tạ Minh	Dương	03/08/2005	TC11A	000016	843	5.40	01
17	1101010801 Vũ Thùy	Dương	26/08/2005	TC11A	000017	268	5.80	01
18	1101010802 Đặng Khánh	Duy	18/01/2005	TC11A	000018	380	7.80	01
19	1101010803 Nguyễn Phương	Duy	05/12/2005	TC11A	000019	139	6.40	01
20	1101010808 Lê Ngân	Hà	22/11/2005	TC11A	000020	472	6.40	01
21	1101010811 Đỗ Thị Thúy	Hằng	12/01/2005	TC11A	000021	596	6.00	01
22	1101010812 Nguyễn Thu	Hằng	10/10/2005	TC11A	000022	843	4.60	01
23	1101010816 Phạm Thị	Hiền	07/01/2005	TC11A	000023	139	5.00	01
24	1101010817 Dư Quang	Hiệp	29/10/2005	TC11A	000024	268	5.00	01
25	1101011276 Đỗ Thanh	Hoa	18/12/2005	TC11A	000025	380	5.60	01
26	1101010821 Bùi Việt	Hoàng	29/11/2005	TC11A	000026	472	5.60	01
27	1101010822 Nguyễn Huy	Hoàng	30/10/2005	TC11A	000027	604	4.60	01
28	1101010827 Nguyễn Thị Hoàng	Hương	06/01/2005	TC11A	000028	721	5.00	01
29	1101010828 Phùng Thị Thu	Hương	13/12/2005	TC11A	000029	604	6.80	01
30	1101010830 Nguyễn Quang	Huy	14/08/2005	TC11A	000030	380	5.60	01
31	1101010831 Bùi Khánh	Huyền	21/10/2005	TC11A	000031	472	4.40	01

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN: KINH TẾ QUỐC TẾ
ĐHCQ K11_ HỌC KỲ I_ NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
32	1101010834 Nguyễn Thị Khánh	Huyền	29/08/2005	TC11A	000032	268	5.00	01
33	1101010835 Nguyễn Thị Thanh	Huyền	14/01/2005	TC11A	000033	843	5.60	01
34	1101010837 Phạm Trung	Khải	10/07/2005	TC11A	000034	596	6.20	01
35	1101011445 Ngô Hoàng	Lan	12/06/2005	TC11A	000035	721	5.80	01
36	1101010846 Đỗ Thị Hoàng	Linh	29/04/2005	TC11A	000036	843	5.40	01
37	1101011382 Nguyễn Khánh	Linh	17/02/2005	TC11A	000037	139	4.40	01
38	1101011332 Toàn Hoàng Bảo	Linh	27/08/2005	TC11A	000038	596	6.00	01
39	1101010853 Lê Tuấn	Long	13/11/2005	TC11A	000039			01
40	1101010174 Đỗ Phương	Ly	03/01/2005	TC11A	000040	139	4.40	01
41	1101011288 Trần Khánh	Ly	15/11/2005	TC11A	000041	268	5.20	01
42	1101010180 Chu Thị Hoàng	Mai	01/11/2005	TC11A	000042	380	8.20	01
43	1101030632 Chu Hải	Nam	31/05/2005	TC11A	000043	472	4.00	01
44	1101010864 Đỗ Hằng	Nga	03/11/2005	TC11A	000044	596	7.80	01
45	1101011293 Nguyễn Thị Hồng	Ngân	17/07/2005	TC11A	000045	604	6.80	01
46	1101010876 Nguyễn Yến	Nhi	23/03/2005	TC11A	000046	721	7.00	01
47	1101010879 Hà Thị Hồng	Nhung	05/05/2005	TC11A	000047	843	6.60	01
48	1101010237 Nguyễn Nam	Phương	26/01/2005	TC11A	000048	139	5.80	01
49	1101010887 Nguyễn Xuân	Quang	31/01/2005	TC11A	000049	268	5.60	01
50	1101011304 Đặng Thị Phương	Thảo	17/08/2005	TC11A	000050	380	6.20	01
51	1101010899 Nguyễn Thị Anh	Thơ	01/08/2005	TC11A	000051	472	3.60	01
52	1101010900 Đỗ Minh	Thu	13/09/2005	TC11A	000052	596	6.20	01
53	1101011305 Nguyễn Thanh	Thu	27/01/2005	TC11A	000053	604	5.20	01
54	1101010280 Đỗ Hoài	Thương	29/03/2005	TC11A	000054	721	9.00	01
55	1101011310 Đinh Quốc	Toàn	25/06/1997	TC11A	000055			01
56	1101010903 Lương Quỳnh	Trang	09/11/2005	TC11A	000056	139	5.40	01
57	1101011314 Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	20/01/2005	TC11A	000057	268	8.40	01
58	1101021056 Nguyễn Thị Thu	Trang	21/01/2005	TC11A	000058	380	4.60	01
59	1101011315 Phạm Thị	Trang	29/01/2004	TC11A	000059	472	6.40	01
60	1101010904 Phan Thị Huyền	Trang	10/10/2005	TC11A	000060	596	6.40	01
61	1101011250 Hoàng Quốc	Tuấn	06/11/2005	TC11A	000061	604	5.40	01
62	1101011377 Đỗ Thế	Tùng	09/10/2005	TC11A	000062	721	3.80	01

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN: KINH TẾ QUỐC TẾ
DHCQ K11_ HỌC KỲ I_ NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
63	1101010911 Đỗ Tường	Vy	07/08/2005	TC11A	000063	843	6.40	01
64	1101010912 Nguyễn Kim	Xuân	21/03/2005	TC11A	000064	139	5.20	01
65	1101010329 Trần Thị Chiêu	Xuân	07/05/2005	TC11A	000065	268	4.20	01
66	1101011370 Đinh Thị Hải	Yến	09/03/2004	TC11A	000066	380	6.60	01
67	1001010800 Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	000067	472	5.60	02
68	1001010804 Lê Phương	Liên	21/09/2004	NH10A	000068	596	6.60	02
69	1101011259 Đinh Thị Ngọc	Anh	30/06/2005	NH11A	000069	604	6.60	02
70	1101010766 Lưu Quỳnh	Anh	19/05/2005	NH11A	000070	721	4.80	02
71	1101010769 Nguyễn Thị Hải	Anh	01/09/2005	NH11A	000071	843	2.80	02
72	1101010478 Nguyễn Thị Mai	Anh	27/12/2005	NH11A	000072	139	4.00	02
73	1101011261 Nguyễn Việt	Anh	09/11/2005	NH11A	000073	268	7.00	02
74	1101011386 Bùi Gia	Bảo	14/06/2005	NH11A	000074	380	4.60	02
75	1101010785 Bùi Thị Kiều	Chinh	27/07/2005	NH11A	000075	472	6.40	02
76	1101010786 Cao Mạnh	Cường	07/09/2005	NH11A	000076	596	7.20	02
77	1101011372 Đinh Trọng	Đạo	03/05/2005	NH11A	000077	139	5.80	02
78	1101010512 Phạm Thành	Đạt	28/03/2005	NH11A	000078	268	6.20	02
79	1001010766 Phan Huy	Đức	13/05/2004	NH11A	000079			02
80	1001010770 Lương Anh	Dũng	22/11/2004	NH11A	000080	472	7.80	02
81	1101010796 Bùi Thái	Dương	05/12/2005	NH11A	000081	596	4.60	02
82	1101010797 Nguyễn Quang	Dương	17/09/2005	NH11A	000082	604	6.40	02
83	1101011268 Nguyễn Văn	Dương	05/09/2003	NH11A	000083	721	6.80	02
84	1101011269 Nguyễn Thu	Giang	29/09/2005	NH11A	000084	843	5.80	02
85	1101010807 Trương Hương	Giang	10/11/2005	NH11A	000085	139	6.00	02
86	1001010781 Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH11A	000086	268	6.60	02
87	1101010819 Nguyễn Thu	Hòa	29/04/2005	NH11A	000087	380	7.60	02
88	1101010823 Đỗ Văn	Hồng	25/01/2005	NH11A	000088	472	5.00	02
89	1101011444 Hoàng Ánh	Hồng	26/11/2005	NH11A	000089	596	7.20	02
90	1101011277 Đoàn Đức	Hùng	09/08/2005	NH11A	000090	380	7.40	02
91	1101010110 Nguyễn Việt	Hùng	26/08/2005	NH11A	000091	604	5.40	02
92	1101011279 Nguyễn Khải	Hưng	07/10/2005	NH11A	000092	721	6.60	02
93	1101010836 Trần Thanh	Huyền	14/12/2005	NH11A	000093	843	5.80	02

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN: KINH TẾ QUỐC TẾ
ĐHCQ K11_ HỌC KỲ I_ NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
94	1101010128 Nguyễn Trọng	Khang	26/03/2005	NH11A	000094	139	6.00	02
95	1101011282 Dương Quốc	Khánh	19/08/2003	NH11A	000095	268	6.20	02
96	1101011404 Nguyễn Nam	Khánh	08/12/2005	NH11A	000096	380	6.00	02
97	1101010841 Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	000097	472	4.80	02
98	1101011284 Hoàng Thị	Lam	21/02/2005	NH11A	000098	596	7.40	02
99	1101010844 Bùi Khánh	Linh	06/10/2005	NH11A	000099	604	7.20	02
100	1101010845 Đặng Thị Nhật	Linh	01/10/2005	NH11A	000100	721	5.20	02
101	1101011285 Đào Thị Thùy	Linh	07/11/2005	NH11A	000101	843	8.00	02
102	1101010848 Kiều Khánh	Linh	08/10/2005	NH11A	000102	139	5.00	02
103	1101010849 Lê Hoài	Linh	15/09/2005	NH11A	000103	268	7.80	02
104	1101011380 Nguyễn Khánh	Linh	15/08/2005	NH11A	000104	380	6.00	02
105	1001020180 Trịnh Thị	Linh	08/08/2004	NH11A	000105			02
106	1101010852 Vũ Thị Ngọc	Linh	25/06/2005	NH11A	000106	472	7.00	02
107	1101010859 Nguyễn Công	Minh	25/10/2005	NH11A	000107	596	5.40	02
108	1101010860 Phạm Quang	Minh	26/08/2005	NH11A	000108	604	4.60	02
109	1101010861 Vũ Đức	Minh	03/11/2005	NH11A	000109	721	4.40	02
110	1101011416 Nguyễn Trà	My	07/04/2005	NH11A	000110	843	5.60	02
111	1101010870 Trần Bích	Ngọc	22/03/2005	NH11A	000111	139	6.20	02
112	1101010874 Nguyễn Trần Thống	Nhất	19/01/2005	NH11A	000112	268	6.40	02
113	1101010875 Hoàng Thị Yến	Nhi	04/11/2005	NH11A	000113	380	7.40	02
114	1101010877 Lê Quỳnh	Như	12/06/2005	NH11A	000114	472	5.80	02
115	1101010880 Vương Thị Hồng	Nhung	01/06/2005	NH11A	000115	139	7.60	02
116	1101011399 Phạm Thùy	Phương	27/08/2005	NH11A	000116	596	5.60	02
117	1101010885 Nguyễn Minh	Quân	23/03/2005	NH11A	000117	380	7.00	02
118	1101011432 Nguyễn Tiến	Quang	11/10/2005	NH11A	000118	472	6.00	02
119	1101010888 Tạ Trường	Quang	09/11/2005	NH11A	000119	604	6.60	02
120	1101011301 Nguyễn Phương	Quỳnh	19/08/2005	NH11A	000120	721	7.40	02
121	1101010890 Trần Ngọc	Quỳnh	05/03/2005	NH11A	000121	843	6.60	02
122	1101010896 Nguyễn Hiền	Thảo	02/01/2005	NH11A	000122	139	7.00	02
123	1101010897 Nguyễn Đức	Thiện	25/02/2005	NH11A	000123	268	5.00	02
124	1101010713 Nguyễn Khánh	Toàn	25/12/2005	NH11A	000124	380	5.40	02

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN: KINH TẾ QUỐC TẾ
ĐHCQ K11_ HỌC KỲ I _ NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	Họ và	tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
125	1101010905	Trần Thị Thùy	Trang	25/06/2000	NH11A	000125	472	8.00	02
126	1101011422	Nguyễn Thị Thúy	Vân	30/04/2005	NH11A	000126	596	7.20	02
127	901010289	Nguyễn Quang	Vũ	17/05/2003	NH11A	000127			02
128	1101010910	Lương Ngọc	Vượng	08/09/2005	NH11A	000128	604	7.40	02
129	1101011326	Trần Thị Hải	Yên	29/11/2003	NH11A	000129			02
130	1101031146	Trịnh Hương	An	08/04/2005	QT11A	000130	721	5.80	03
131	1101031429	Lê Hải	Anh	17/08/2005	QT11A	000131	843	7.00	03
132	1101030469	Lê Quang	Anh	23/10/2005	QT11A	000132	139	2.80	03
133	1101030483	Phạm Thị Nguyệt	Anh	13/02/2005	QT11A	000133	268	4.00	03
134	1101030495	Ngô Thị Nguyệt	Ánh	05/11/2005	QT11A	000134	380	6.20	03
135	1101030500	Nguyễn Đức Tùng	Bách	02/12/2005	QT11A	000135	472	6.20	03
136	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	000136	596	5.60	03
137	1101031168	Nguyễn Thắng	Đồng	23/08/2005	QT11A	000137	604	6.00	03
138	1101030517	Trần Huy	Đức	10/09/2005	QT11A	000138			03
139	1101030519	Nguyễn Anh	Dũng	20/12/2005	QT11A	000139	721	6.40	03
140	1101031400	Lê Thế	Dương	18/12/2005	QT11A	000140			03
141	1101030525	Đào Quang	Duy	19/02/2005	QT11A	000141	843	5.20	03
142	1101030530	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	24/03/2005	QT11A	000142	139	4.80	03
143	1101031412	Nguyễn Nam	Giang	04/03/2005	QT11A	000143	268	6.20	03
144	1101030538	Đặng Hoàng	Hải	09/05/2005	QT11A	000144	380	5.60	03
145	1101031359	Lê Thị Diễm	Hằng	17/11/2005	QT11A	000145	472	5.20	03
146	1101030543	Nguyễn Thị	Hào	24/03/2005	QT11A	000146	596	4.00	03
147	1101030548	Nguyễn Tuấn	Hiệp	15/11/2005	QT11A	000147	604	5.60	03
148	1101030437	Lê Kim	Huệ	06/09/2005	QT11A	000148	721	6.40	03
149	1101030559	Phạm Thị	Huệ	12/10/2005	QT11A	000149	843	6.00	03
150	1101030561	Phùng Tuấn	Hùng	13/09/2005	QT11A	000150	268	8.60	03
151	1101031731	Đỗ Thu	Hương	07/08/2005	QT11A	000151	596	6.00	03
152	1101031196	Khổng Thị Lan	Hương	09/04/2005	QT11A	000152	380	5.20	03
153	1101030829	Lương Gia	Huy	24/09/2005	QT11A	000153	268	6.20	03
154	1101031198	Đỗ Chu Khánh	Huyền	15/01/2005	QT11A	000154			03
155	1101030399	Nguyễn Thị	Huyền	28/06/2005	QT11A	000155	139	7.00	03

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN: KINH TẾ QUỐC TẾ
ĐHCQ K11_ HỌC KỲ I_ NĂM HỌC 2025 - 2026**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú	
156	1101030580	Nguyễn Quốc	Khánh	01/09/2005	QT11A	000156	843	6.80	03
157	1101030581	Đỗ Trung	Kiên	28/04/2005	QT11A	000157	721	6.20	03
158	1101030588	Phan Thị	Liều	31/12/2004	QT11A	000158	472	6.80	03
159	1101030603	Nguyễn Thùy	Linh	23/03/2005	QT11A	000159	596	7.20	03
160	1101031371	Phạm Thị Hồng	Lĩnh	11/12/2005	QT11A	000160	721	6.80	03
161	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	000161	604	4.20	03
162	1101030616	Trần Thị Hương	Ly	26/01/2005	QT11A	000162	596	3.00	03
163	1101031215	Đinh Thế	Minh	04/12/2005	QT11A	000163	604	4.40	03
164	1101030627	Phạm Hồng	Minh	04/12/2005	QT11A	000164	472	6.40	03
165	1101030628	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	QT11A	000165	380	5.00	03
166	1101030638	Nguyễn Thúy	Nga	14/07/2005	QT11A	000166	843	6.60	03
167	1101030643	Nguyễn Thị Bích	Ngân	25/09/2005	QT11A	000167	139	9.00	03
168	1101031732	Nguyễn Thanh	Ngoan	01/04/2005	QT11A	000168	380	7.20	03
169	1101030660	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/05/2005	QT11A	000169	268	6.00	03
170	1101030665	Nguyễn Đình	Phi	08/09/2005	QT11A	000170	139	5.00	03
171	1101031222	Bùi Thu	Phương	23/09/2005	QT11A	000171	268	6.60	03
172	1101030681	Vũ Nguyễn Đình	Quang	15/04/2005	QT11A	000172	596	6.20	03
173	1101031420	Lê Thị Diễm	Quỳnh	26/08/2005	QT11A	000173			03
174	1101031366	Lưu Danh	Thái	14/02/2005	QT11A	000174	472	5.40	03
175	1101031229	Nguyễn Thị	Thảo	05/05/2005	QT11A	000175	721	8.20	03
176	1101030420	Vũ Minh	Thu	02/11/2005	QT11A	000176	843	7.40	03
177	1101030731	Phạm Xuân	Trung	26/08/2005	QT11A	000177	604	6.60	03
178	1101031252	Nguyễn Thị Hà	Uyên	08/11/2005	QT11A	000178	596	7.60	03
179	1101030743	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/08/2005	QT11A	000179	604	3.80	03
180	1101030752	Nguyễn Ý	Vy	02/10/2005	QT11A	000180	721	3.60	03
181	1001020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	000181			04
182	1101030466	Bùi Thị Ngọc	Anh	30/11/2005	QT11B	000182	843	4.40	04
183	1101031456	Chu Phương	Anh	28/01/2003	QT11B	000183	380	7.40	04
184	1101030489	Trần Hoàng	Anh	05/08/2001	QT11B	000184	472	7.40	04
185	1101030491	Vũ Duy	Anh	07/02/2003	QT11B	000185	139	6.20	04
186	1101030496	Nguyễn Ngọc	Ánh	24/12/2005	QT11B	000186	268	6.40	04

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN: KINH TẾ QUỐC TẾ
ĐHCQ K11_ HỌC KỲ I_ NĂM HỌC 2025 - 2026**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú	
187	1101030502	Phạm Ngọc	Biên	30/03/2005	QT11B	000187	139	6.60	04
188	1101031161	Khuất Duy	Cường	01/01/2005	QT11B	000188	268	4.60	04
189	1101031165	Lê Thành	Đạt	26/02/2004	QT11B	000189	139	6.80	04
190	1101031373	Dương Thị Huyền	Diệu	05/07/2005	QT11B	000190			04
191	1101030526	Nguyễn Đức	Duy	09/07/2005	QT11B	000191	268	7.60	04
192	1101030529	Trần Văn	Duy	23/10/2003	QT11B	000192	380	7.60	04
193	1101030805	Nguyễn Ngọc	Giang	30/09/2005	QT11B	000193	472	7.00	04
194	1101030947	Giang Thị	Hà	25/12/2005	QT11B	000194	596	4.80	04
195	1101030539	Nguyễn Duy	Hải	02/09/2005	QT11B	000195	604	6.60	04
196	1101030542	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/02/2005	QT11B	000196	721	4.80	04
197	1101031186	Vũ Thị Thu	Hiền	23/02/2005	QT11B	000197			04
198	1101031189	Đoàn Trung	Hiếu	02/12/2005	QT11B	000198	843	5.40	04
199	1101030558	Phạm Minh	Huệ	10/04/2005	QT11B	000199	139	4.60	04
200	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	000200	268	4.40	04
201	1001031233	Nguyễn Văn	Hùng	19/10/2004	QT11B	000201	380	4.00	04
202	1101030563	Hoàng Tuấn	Hưng	28/08/2005	QT11B	000202	472	6.60	04
203	1101030564	Lê Mai	Hương	11/08/2005	QT11B	000203	596	6.60	04
204	1101031360	Phạm Tuấn	Huy	03/07/2002	QT11B	000204	604	5.80	04
205	1101030441	Lưu Thị Thu	Huyền	26/11/2005	QT11B	000205	721	5.40	04
206	1101030131	Đỗ Thị	Khuyên	28/06/2005	QT11B	000206	843	5.80	04
207	1101031385	Hoàng Thị Mai	Lan	17/11/2005	QT11B	000207	139	6.00	04
208	1001031250	Nguyễn Thị	Lan	20/07/2004	QT11B	000208	268	5.60	04
209	1101030589	Bùi Lê Phương	Linh	23/09/2004	QT11B	000209	380	7.40	04
210	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	000210	472	4.20	04
211	1101030599	Nguyễn Khánh	Linh	13/12/2005	QT11B	000211			04
212	1101030606	Vũ Phương	Linh	31/12/2005	QT11B	000212	596	6.00	04
213	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	000213	604	5.60	04
214	1101030614	Phạm Khánh	Ly	16/10/2005	QT11B	000214	721	5.80	04
215	1101030617	Vũ Khánh	Ly	06/12/2005	QT11B	000215	843	5.80	04
216	1101030620	Đỗ Ngọc	Mai	06/06/2005	QT11B	000216	139	4.00	04
217	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	000217	268	3.00	04

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN: KINH TẾ QUỐC TẾ
ĐHCQ K11_ HỌC KỲ I _ NĂM HỌC 2025 - 2026**

STT	Họ và	tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
218	1101031365	Thạch Thị Ngọc	Minh	27/03/2004	QT11B	000218	380	5.20	04
219	1101030629	Lường Thị	Mừng	18/01/2004	QT11B	000219			04
220	1101030634	Vũ Thành	Nam	11/11/2005	QT11B	000220			04
221	1101030642	Nguyễn Kim	Ngân	03/08/2005	QT11B	000221	472	7.20	04
222	1101030651	Giáp Thị Thảo	Nguyên	16/07/2005	QT11B	000222	596	5.20	04
223	1101030872	Lê Thu Ánh	Nguyệt	19/08/2005	QT11B	000223	604	5.00	04
224	1101031219	Đỗ Thị Quỳnh	Như	17/02/2005	QT11B	000224	721	3.80	04
225	1101030666	Nguyễn Xuân	Phong	18/04/2005	QT11B	000225	843	6.00	04
226	1101031224	Kiều Anh	Quân	04/08/2005	QT11B	000226	139	6.00	04
227	1101030886	Phùng Minh	Quân	19/08/2005	QT11B	000227	268	4.00	04
228	1101030684	Trương Như	Quỳnh	02/07/2005	QT11B	000228	380	4.60	04
229	1101030701	Ngô Thanh	Thảo	07/12/2005	QT11B	000229	472	6.80	04
230	1101030709	Trần Hoài	Thương	04/11/2005	QT11B	000230	596	7.40	04
231	1101031421	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	06/03/2005	QT11B	000231	604	6.60	04
232	1101031389	Đỗ Thị Huyền	Trang	06/12/2005	QT11B	000232	721	6.00	04
233	1101030721	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	18/06/2005	QT11B	000233	843	6.40	04
234	1101030728	Nguyễn Kiều	Trinh	03/10/2005	QT11B	000234	139	6.00	04
235	1101030739	Nguyễn Thị Hải	Uyên	12/05/2005	QT11B	000235	268	6.20	04
236	1101030741	Thắm Thị Tố	Uyên	30/09/2005	QT11B	000236	380	5.00	04
237	1101031254	Vũ Hồng	Vân	10/11/2005	QT11B	000237	472	4.80	04
238	1101030750	Ngô Đăng	Vũ	07/08/2005	QT11B	000238	843	4.80	04
239	1101031255	Nguyễn Hà	Vy	16/05/2005	QT11B	000239	596	6.00	04
240	1101030755	Chữ Thị	Yến	11/06/2005	QT11B	000240	604	6.20	04
241	1101031368	Nguyễn Bảo	Yến	09/10/2005	QT11B	000241	721	6.00	04
242	901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM11A	000242	843	5.80	05
243	1001030471	Lê Thị Kim	Anh	17/07/2002	QM11A	000243	139	7.20	05
244	1101030470	Lưu Thị Phương	Anh	08/07/2005	QM11A	000244	268	6.40	05
245	1101030471	Ngô Kim	Anh	01/09/2005	QM11A	000245	380	6.80	05
246	1101031361	Ngô Thị Lan	Anh	01/09/2005	QM11A	000246	472	4.40	05
247	1101031150	Nguyễn Tài Tuấn	Anh	05/11/2005	QM11A	000247	596	6.60	05
248	1101030482	Phạm Quốc	Anh	27/09/2005	QM11A	000248			05

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN: KINH TẾ QUỐC TẾ
ĐHCQ K11_ HỌC KỲ I _ NĂM HỌC 2025 - 2026**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú	
249	1101030484	Phạm Tuấn	Anh	14/07/2005	QM11A	000249	604	5.80	05
250	1101030486	Phạm Việt	Anh	24/11/2005	QM11A	000250			05
251	1101031155	Trần Đức	Anh	22/01/2005	QM11A	000251	721	5.40	05
252	1101031156	Trịnh Xuân	Anh	18/08/2005	QM11A	000252	843	5.00	05
253	1101030494	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	04/03/2005	QM11A	000253	139	6.40	05
254	1101031157	Trương Thị Minh	Ánh	08/05/2005	QM11A	000254			05
255	1101030501	Nguyễn Ngọc	Bích	10/09/2005	QM11A	000255	268	5.00	05
256	1101030503	Nguyễn Thị Thanh	Bình	03/02/2005	QM11A	000256	380	5.80	05
257	1101031387	Dương Hải	Đặng	20/12/2004	QM11A	000257	472	5.20	05
258	1101030340	Vũ Tiến	Đạt	20/10/2005	QM11A	000258	596	5.60	05
259	1101031175	Hà Thị Thùy	Duyên	30/07/2005	QM11A	000259	604	6.00	05
260	1101030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/11/2005	QM11A	000260	721	7.00	05
261	1101030533	Nguyễn Thu	Giang	31/12/2005	QM11A	000261	139	3.80	05
262	1101031179	Đỗ Hoàng	Hà	31/07/2005	QM11A	000262	268	6.00	05
263	1101031369	Nguyễn Hữu	Hải	13/06/2005	QM11A	000263	380	5.00	05
264	1101030540	Đào Lệ	Hằng	05/04/2005	QM11A	000264	472	4.40	05
265	1101030544	Lê Thị Thu	Hiền	08/07/2005	QM11A	000265	139	6.60	05
266	1101031185	Nguyễn Thu	Hiền	09/07/2005	QM11A	000266	472	5.00	05
267	1101030549	Quách Văn	Hiệp	04/11/2005	QM11A	000267	596	6.40	05
268	1101030550	Trần Minh	Hiếu	17/09/2005	QM11A	000268	268	5.60	05
269	1101030551	Nguyễn Phương	Hoa	24/04/2005	QM11A	000269	380	6.00	05
270	1101031191	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QM11A	000270	843	6.00	05
271	1101030554	Hồ Thị	Hồng	07/07/2005	QM11A	000271	139	6.20	05
272	1101030577	Đặng Ngọc	Khánh	07/12/2005	QM11A	000272	604	6.60	05
273	1101030585	Lê Mai	Lan	20/09/2005	QM11A	000273	721	5.80	05
274	1101030591	Đỗ Khánh	Linh	20/03/2005	QM11A	000274	380	5.40	05
275	1101030596	Lê Thủy	Linh	04/09/2005	QM11A	000275	596	3.20	05
276	1101030602	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/07/2005	QM11A	000276	472	4.80	05
277	1101030611	Bùi Ngọc	Long	26/04/2005	QM11A	000277	268	6.60	05
278	1101030615	Trần Thị Diệu	Ly	04/11/2005	QM11A	000278	139	5.80	05
279	1101030623	Vũ Thị Thanh	Mai	01/04/2005	QM11A	000279	472	6.60	05

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN: KINH TẾ QUỐC TẾ
ĐHCQ K11_ HỌC KỲ I _ NĂM HỌC 2025 - 2026**

STT	Họ và	tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
280	1101031376	Phùng Đắc	Mạnh	11/09/2002	QM11A	000280	380	5.20	05
281	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	000281	604	4.60	05
282	1101030650	Bùi Thảo	Nguyễn	09/10/2005	QM11A	000282	596	6.20	05
283	1101031220	Tạ Thị Hồng	Nhung	16/08/2005	QM11A	000283	843	5.00	05
284	1101030355	Lê Kiều	Oanh	07/09/2005	QM11A	000284	721	4.40	05
285	1101030670	Lê Minh	Phuong	04/08/2005	QM11A	000285	268	4.80	05
286	1101030677	Nguyễn Anh	Quân	04/08/2005	QM11A	000286	721	5.80	05
287	1001030679	Trần Khánh	Quỳnh	01/11/2004	QM11A	000287	604	4.80	05
288	1101030693	Nguyễn Trọng Chiến	Thắng	13/07/2005	QM11A	000288	139	6.60	05
289	1101030704	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	QM11A	000289	268	4.80	05
290	1101030898	Nguyễn Đức	Thịnh	18/11/2005	QM11A	000290	596	5.20	05
291	1101030708	Nguyễn Thị Tâm	Thư	16/11/2005	QM11A	000291	843	7.20	05
292	1101030710	Nguyễn Hương	Thúy	27/05/2005	QM11A	000292	380	6.40	05
293	1101030715	Nguyễn Thị Thanh	Trà	01/09/2005	QM11A	000293	139	4.20	05
294	1101030718	Bùi Thị Thùy	Trang	06/08/2005	QM11A	000294	472	5.00	05
295	901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM11A	000295	721	6.60	05
296	1101030736	Đoàn Khánh	Tùng	13/11/2005	QM11A	000296	268	5.80	05
297	1101030737	Lương Khánh	Tùng	22/03/2005	QM11A	000297	596	7.80	05
298	1001030744	Dương Thị Hải	Yến	22/11/2004	QM11A	000298	843	8.00	05
299	1101030757	Lê Hải	Yến	20/06/2005	QM11A	000299	604	4.80	05

Tổng số bài: 280

Cán bộ chấm 1


Nguyễn Thị Bích Hương

Hưng Yên, Ngày 21 tháng 01 năm 2026

Cán bộ chấm 2


Đỗ Thu Hương